

Bản án số: 28/2020/HSPT
Ngày 20 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Mậu Mai Quyên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 19, 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/HSPT ngày 20 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo Trần Văn H, Phạm Văn Đ; do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S.

Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị: Trần Văn H (tên gọi khác: không), sinh năm 1989 tại khu 3, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Khu 3, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn C và bà Dương Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị M; có 02 con lớn 7 tuổi, nhỏ 5 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2019 đến ngày 15/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Văn Đ (tên gọi khác: không), sinh năm 1996 tại thôn X, xã CH, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn X, xã CH, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lái xe ô tô; con ông Phạm Văn M và con bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2019 đến ngày 15/11/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Bà T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV M Vĩnh phúc.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ H - Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Mạnh Đ – Thanh tra xử lý va chạm tai nạn; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện S, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có người thanh niên tên T ở xã C, huyện S gọi điện hỏi mua pháo, sau khi trao đổi và thống nhất nên Trần Văn H đã đồng ý bán cho T 60 giàn pháo hoa nổ và 300 quả pháo trứng.

Ngày 05/11/2019, H vào mạng xã hội Facebook đặt mua 57 giàn pháo và 432 quả pháo trứng của người thanh niên tên L, L đồng ý bán pháo cho H. Khoảng 08 giờ ngày 06/11/2019 H gọi điện cho Phạm Văn Đ là lái xe ô tô taxi của hãng taxi M đến nhà đón H. Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/11/2019 Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 88A-24527 đến nhà đón H. H bảo Đ điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường đê khu vực nhà máy cán thép thuộc phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Khi thấy một xe ô tô tải đang đỗ ở ven đường hướng cùng chiều với xe ô tô của Đ, H bảo Đ xuống và mở cốp xe ô tô của Đ cho người ở xe tải chuyển hàng lên. Đ xuống mở cốp xe ô tô của mình thì thấy có một thanh niên bê hàng ở xe tải sang xe của Đ, gồm 03 bao tải và 01 tĐ cát tông, trong đó: 01 bao tải hàng để ở ghế phụ; 01 bao tải hàng và 01 tĐ cát tông hàng để trên bao tải để ở ghế sau bên phải cạnh chỗ H ngồi; 01 bao tải hàng để ở cốp sau xe. Sau khi toàn bộ số hàng trên được chuyển lên xe của mình thì Đ hỏi H: "*hàng gì đây?*" H chỉ nói "*cứ chở đi*". Lúc này Đ không biết toàn bộ số hàng trên xe là pháo. Đ điều khiển xe đi theo sự chỉ dẫn đường của H quay ra Quốc lộ 2, đi lên đê xã X, qua cầu P sang xã S, huyện L để đi đến xã C, huyện S thì Đ thấy H gọi điện thoại cho T hỏi về địa điểm giao pháo. Trong lúc H nói chuyện, Đ nghe được nội dung là H đang đem pháo đến cho người đang nói chuyện điện thoại với H. Tiếp đó, Đ nhìn thấy H lấy trong tĐ cát tông phía bên phải cạnh ghế H ngồi ra những quả pháo "trứng" đặt vào trong túi nilon buộc thành từng túi nhỏ. Lúc này Đ đã biết toàn bộ số hàng trên xe ô tô của mình là pháo nhưng không biết mục đích của H về số pháo này. Biết H là người tàn tật và cho rằng việc chở pháo sẽ không bị phát hiện nên Đ vẫn tiếp tục chở H cùng số pháo trên đi theo dẫn đường của H. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường đê thuộc địa phận xã C, huyện S thì thấy có chiếc xe ô tô con màu trắng đỗ ở ven đường. Lúc này, H bảo Đ dừng xe lại, bê bao tải pháo ở

cốp xe ô tô của Đ xuống. Đ dừng xe và bê bao tải pháo để ở cốp xe ô tô của Đ ra thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Công an huyện S phát hiện bắt quả tang.

Tang vật thu giữ: 12 khối hộp đều có kích thước 17 cm x 19,5 cm x 17 cm bên ngoài mỗi hộp được bọc giấy màu có in chữ nước ngoài do Đ đang bê từ xe ô tô BKS 88A-24527 xuống đường bê tông, được niêm phong trong hộp cát tông, ký hiệu A1; 45 khối hộp đều có kích thước 13,5 cm x 13,5 cm x 14,5cm bên ngoài mỗi hộp được bọc giấy màu có in chữ nước ngoài, toàn bộ khối hộp này đang được để trong xe ô tô BKS: 88A-245.27, được niêm phong trong hộp cát tông, ký hiệu A2; 432 vật phần trên đều có dạng hình cầu, bên ngoài bọc giấy màu nâu, phần dưới hình trụ tròn, bên ngoài bọc nilon màu vàng, trên nilon in nhiều chữ nước ngoài màu đen, phần hình trụ tròn có gắn một đoạn dây dẫn màu xanh. Toàn bộ đều đang để trong xe ô tô BKS 88A 24527, được niêm phong trong hộp cát tông, ký hiệu A3; Thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS: 88A-245.27 trên vỏ xe gắn logo của hãng xe taxi M, 03 bao tải xác rắn và một số tài sản, giấy tờ khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn H không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội

Tại bản Kết luận số 1301/KLGD ngày 10/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Mẫu gửi giám định gồm 12 khối hộp, mỗi khối đều có kích thước 17cm x 19,5 cm x 17cm, bên trong mỗi khối hộp đều có 36 vật hình trụ tròn vỏ giấy màu nâu được liên kết với nhau có khối lượng 26kg; 45 khối hộp, mỗi khối đều có kích thước 13,5cm x 13,5 cm x 14,5cm, bên trong mỗi khối hộp đều có 36 vật hình trụ tròn vỏ giấy màu nâu được liên kết với nhau, có khối lượng 55,8kg và 432 vật đều có hình dáng phần trên hình cầu được bọc giấy màu nâu, phần dưới hình trụ tròn, bên ngoài được bọc nilon màu vàng, đầu gắn một đoạn dây dẫn màu xanh có khối lượng 16,2kg. Các mẫu gửi giám định nêu trên đều là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 98kg.

*** Vật chứng vụ án, tài sản thu giữ gồm có :**

- 98 kg pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ. Trong đó 12 khối hộp pháo loại 36 quả kích thước 17 cm x 19,5cm x 17 cm, có khối lượng 26kg; 45 khối hộp pháo loại 36 quả kích thước 13,5 cm x 13,5cm x 14,5 cm, có khối lượng 55,8kg và 432 quả pháo, bên ngoài được bọc nilon màu vàng, đầu gắn một đoạn dây dẫn màu xanh có khối lượng 16,2kg. Cơ quan giám định hoàn lại 91,5 kg pháo cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong trong 03 hộp cát tông và 03 bao tải xác rắn.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen của H. Quá trình điều tra xác định H sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc phạm tội.

- Ngày 19/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại cho Phạm Văn Đ các tài sản, giấy tờ gồm: 03 điện thoại di động, 01 ví giả da màu đen bên trong có: 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe bằng B2; 02 thẻ ATM; 01 giấy biên nhận, 01 hợp đồng cho vay tiền; số tiền 1.000.000đ

- Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS: 88A-245.27 trên vỏ xe gắn logo của hãng xe taxi M, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC 8637685; 01 giấy bảo hiểm tự nguyện số BB 180222823 thu giữ của Phạm Văn Đ. Quá trình điều tra xác định, ngày 25/9/2019, Công ty TNHH MTV M Vĩnh Phúc địa chỉ: A đường Đ, phường T, TP. V, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Nguyễn Hữu B, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Phạm Văn Đ và giao cho Đ 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, BKS 88A-245.27 cùng các giấy tờ xe để hoạt động dịch vụ taxi. Công ty M không biết việc Đ sử dụng chiếc xe ô tô trên để thực hiện hành vi vận chuyển pháo, điều này là vi phạm các quy định trong hợp đồng mà Đ đã ký kết với Công ty M. Do đó, ngày 19/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại các tài sản trên cho Công ty TNHH MTV M Vĩnh Phúc .

Đối với người đàn ông tên L đã bán pháo cho H. Do H chỉ quen biết trên mạng xã hội Facebook, không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của L. H khai nhận không lưu và không nhớ số điện thoại người này nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được.

Đối với người đàn ông tên T đặt mua pháo của H do H chỉ quen biết trên mạng, không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của T. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian tạm giữ từ 06/11/2019 đến 15/11/2019 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian tạm giữ từ 06/11/2019 đến 15/11/2019 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, tính án phí, tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 14/02/2020, bị cáo Trần Văn H có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo và cho rằng tại cơ quan điều tra đã khai báo chưa minh bạch tình tiết anh T nhờ bị cáo mua pháo. Sau khi được tại ngoại mới biết không phải là anh T mà là Nguyễn Đức K. Đề nghị Tòa xem xét

Ngày 14/02/2020, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo xin được giảm án.

Ngày 11/3/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định kháng nghị số 328/QĐ-VKS-P7 kháng nghị Bản án số 03/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn Đ bổ sung nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo. Bị cáo đã xuất trình chứng cứ mới để chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ mới, đó là các tình tiết: Bị cáo đã từng đi nghĩa vụ quân sự phục vụ quân đội từ tháng 9/2015 đến tháng 1/2017; Gia đình bị cáo có ông nội, bà nội có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến và bằng khen.

Bị cáo cho rằng khi bị công an kiểm tra mới biết hàng bị cáo nhận chở cho H là Pháo; do bị cáo không xem xét kỹ khi nhận chở hàng hóa nên đã phạm tội; Tuy nhiên sau khi nghe bị cáo H trình bày cũng như sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ, bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện S và Tòa án nhân dân huyện S truy tố, xét xử bị cáo về tội vận chuyển hàng cấm là không oan sai, nhưng xét xử mức án quá nặng, vì vậy bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ án và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo H, Đ về phần xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về phần xin hưởng án treo. Áp dụng điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1 điều

357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Bà T bào chữa cho bị cáo H đã trình bày lời bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử giảm án nhẹ mức án cho bị cáo H là người khuyết tật; gia đình bị cáo là hộ cận nghèo; bố là thương binh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an tỉnh Vĩnh Phúc lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 06/11/2019 và còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án; Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội buôn bán hàng cấm; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội vận chuyển hàng cấm. Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện S đã truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn H về tội buôn bán hàng cấm theo khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố, xét xử bị cáo Phạm Văn Đ về tội vận chuyển hàng cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Bị cáo Trần Văn H kháng cáo cho rằng tại cơ quan điều tra đã khai báo chưa minh bạch tình tiết anh T nhờ bị cáo mua pháo. Sau khi được tại ngoại mới biết không phải là anh T mà là Nguyễn Đức K. Đề nghị Tòa xem xét.

Hội đồng xét xử thấy: Về đối tượng tên “T” hoặc “K” mà bị cáo H khai báo, cơ quan điều tra đã có nhiều Biên bản xác minh tại Công an xã C và UBND xã C vào các ngày 8/11/2019; 27/11/2019; 11/12/2019. Kết quả: Công an xã C và Cán bộ tư pháp - UBND xã C đều khẳng định không có công dân nào tên Nguyễn Văn K có tên khác là “T” và sử dụng số điện thoại 0369.954.772 như tài liệu cơ quan điều tra cung cấp. Vì vậy không có căn cứ xử lý đối tượng này.

Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì bị cáo phạm tội buôn bán hàng cấm với số lượng lớn, bị truy tố theo khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự, mức án ở khoản 2 của điều luật là từ

5 đến 10 năm tù, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là trên 03 năm tù nên không được hưởng án treo.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Hội đồng xét xử thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ mức án cho bị cáo (các tình tiết đã được áp dụng là điểm s, p khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào); đã xét xử bị cáo 7 năm tù.

Tuy nhiên do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị cáo là người bị khuyết tật đặc biệt nặng, vì vậy có thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ.

Trong quá trình vận chuyển thuê cho bị cáo H, bị cáo biết bị cáo H buôn bán hàng cấm nhưng vẫn vận chuyển. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vì vậy mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ để chứng minh tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có thời gian phục vụ quân đội; gia đình bị cáo có ông nội, bà nội có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến và bằng khen, nhưng cũng chỉ có thể giảm nhẹ một phần cho bị cáo, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo đều được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn H, Phạm Văn Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H 06 (sáu) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ 06/11/2019 đến 15/11/2019.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nH thời gian tạm giữ từ 06/11/2019 đến 15/11/2019.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân huyện S;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THA dân sự huyện S;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh